

1. Sửa đổi tiết a điểm 1 Mục III Thông tư số 06/2001/TT- BTC như sau:

a) Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu thực hiện đăng ký, kê khai, nộp phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước tại địa phương nơi kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, cụ thể:

- Các tổng công ty, công ty trực tiếp nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu (gọi chung là tổng công ty, công ty) thực hiện kê khai, nộp phí xăng dầu tại địa phương nơi tổng công ty, công ty đóng trụ sở chính đối với lượng xăng, dầu diezen do tổng công ty, công ty trực tiếp xuất, bán (bao gồm cả xuất để tiêu dùng nội bộ, xuất để trao đổi sản phẩm hàng hóa khác, xuất trả hàng nhập khẩu ủy thác, bán cho tổ chức, cá nhân khác ngoài hệ thống tổng công ty, công ty).

- Các đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc tổng công ty, công ty; các chi nhánh trực thuộc tổng công ty, công ty hoặc trực thuộc các đơn vị thành viên (gọi chung là các đơn vị thành viên) thực hiện kê khai, nộp phí xăng dầu tại địa phương nơi các đơn vị thành viên đóng trụ sở chính đối với lượng xăng, dầu diezen do các đơn vị thành viên xuất, bán cho tổ chức, cá nhân khác ngoài hệ thống tổng công ty, công ty.

- Tổ chức, cá nhân khác trực tiếp nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu thực hiện kê khai, nộp phí xăng dầu tại địa phương nơi kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng khi xuất, bán xăng, diezen.

2. Tổ chức thực hiện:

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2003; các quy định về kê khai, nộp phí xăng dầu trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Những nội dung khác không đề cập tại Thông tư này vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành.

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện kê khai, nộp phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 71/2002/TT-BTC ngày 19/8/2002 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 83/TC-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế nhà, đất.

Căn cứ Pháp lệnh Thuế nhà, đất ngày 31 tháng 7 năm 1992, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Thuế nhà, đất ngày 19 tháng 5 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế nhà, đất và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thuế nhà, đất;

Căn cứ Thông tư số 83/TC-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế nhà, đất.

Để thực hiện miễn, giảm thuế nhà đất phù hợp với thực tế, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung

một số quy định về thuế nhà, đất tại Thông tư số 83/TC-TCT nêu trên như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Mục IV Thông tư số 83/TC-TCT về giảm, miễn thuế nhà đất như sau:

a) Thay thế điểm 1b bằng điểm 1b mới như sau:

"Đất ở của các hộ dân cư tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ; đất ở của các hộ thuộc diện hộ nghèo trong cả nước (hộ nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo tại Quyết định số 1143/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/11/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy định cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); đất ở vùng định canh, định cư của đồng bào dân tộc thiểu số.

Đất ở của đồng bào xây dựng vùng kinh tế mới được miễn thuế đất trong 5 năm đầu kể từ ngày đến ở (nếu đến ở 6 tháng đầu năm thì tính cả năm, nếu đến ở 6 tháng cuối năm thì tính 1/2 năm), từ năm thứ 6 trở đi phải nộp thuế đất".

b) Thay thế điểm 1c bằng điểm 1c mới như sau:

Đất ở của hộ gia đình thương binh hạng 1/4, hạng 2/4; hộ gia đình liệt sỹ có người (thân nhân liệt sỹ) đang được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước hàng tháng (theo quy định tại Nghị định số 05/CP ngày 26/1/1994 và Nghị định số 06/CP ngày 21/1/1997 của Chính phủ); đất xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách xã hội; đất ở của người tàn tật, sống độc thân, người chưa đến tuổi thành niên và người già cô đơn không nơi nương tựa không có khả năng nộp thuế. Những đối tượng này chỉ được miễn thuế một nơi ở duy nhất do chính họ đứng tên. Diện tích đất ở được miễn thuế căn cứ vào diện tích đất thực tế sử dụng của hộ để làm nhà ở, công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi, đường đi, sân phơi...

nhưng không được quá mức quy định tại Điều 54 và Điều 57 của Luật Đất đai.

Đất ở của hộ gia đình thương binh nặng hạng 1/4 và các thương bệnh binh phải nằm điều trị dài ngày tại các trại an dưỡng thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý mà không có hộ khẩu thường trú tại nhà cùng với bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con thì được miễn thuế nhà đất cho một hộ gia đình có thương binh đó. Hộ gia đình được miễn thuế nhà đất phải làm đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi hộ gia đình ở về quan hệ của hộ gia đình với thương binh đó, đồng thời có ý kiến của người thương binh để hộ gia đình được miễn thuế.

c) Bổ sung thêm điểm 1d như sau:

"Hộ nộp thuế nhà đất trong năm bị Nhà nước thu hồi, phải giải tỏa nhà đất để phục vụ cho quy hoạch của cấp có thẩm quyền để chuyển đến nơi ở mới thì được miễn thuế nhà đất trong năm đó cho số thuế của diện tích đất bị giải tỏa và diện tích đất nơi ở mới.

Trường hợp hộ nộp thuế đã nộp thuế nhà đất của diện tích đất bị giải tỏa và diện tích đất nơi ở mới, thì số thuế nhà đất được miễn được trừ vào số thuế hộ phải nộp các năm sau. Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế nơi hộ chuyển đến có trách nhiệm xác định số thuế được giảm trừ do được miễn thuế để thông báo số thuế phải nộp của các năm tiếp theo".

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định về miễn, giảm thuế quy định tại Thông tư này được áp dụng từ năm 2003, các chế độ khác vẫn thực hiện theo quy định hiện hành; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG